



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Tỉnh Tuyền Quang

Số 29

Ngày 12 tháng 5 năm 2026

MỤC LỤC

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Trang

08 - 5 - 2026	Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ban hành Quy chế quản lý, cập nhật, khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực trên địa bàn tỉnh Tuyền Quang.	02
08 - 5 - 2026	Quyết định số 31/2026/QĐ-UBND ban hành Quy chế giải thưởng báo chí tỉnh Tuyền Quang.	13

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

09 - 5 - 2026	Quyết định số 1196/QĐ-UBND bổ sung nội dung kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 - 2030 về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026.	25
---------------	--	----

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 30/2026/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 08 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế quản lý, cập nhật, khai thác, sử dụng
Cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Công chứng số 46/2024/QH15;

Căn cứ Luật Dữ liệu số 6072024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 104/2025/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Công chứng được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 280/2025/NĐ-CP, Nghị quyết số 66.14/2026/NQ-CP;

Căn cứ Nghị định số 23/2015/NĐ-CP của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 07/2025/NĐ-CP, Nghị định số 280/2025/NĐ-CP, Nghị định số 18/2026/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP của Chính phủ ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 137/2024/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 165/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Dữ liệu được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 278/2025/NĐ-CP, Nghị định số 356/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 120/2025/NĐ-CP của Chính phủ về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ

Tư pháp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định ban hành Quy chế quản lý, cập nhật, khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý, cập nhật, khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 5 năm 2026.
2. Bãi bỏ toàn bộ Quyết định số 34/2019/QĐ-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế quản lý, cập nhật, khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (trước hợp nhất).
3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tư pháp; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường; Hội Công chứng viên tỉnh; các tổ chức hành nghề công chứng và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Phan Huy Ngọc

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

**Quản lý, cập nhật, khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu công chứng,
chứng thực trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang**

*(ban hành kèm theo Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 08/5/2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Quy chế này quy định việc quản lý, cung cấp thông tin, cập nhật, khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực (sau đây gọi chung là Cơ sở dữ liệu) trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện Quy chế này.

b) Các nội dung không được quy định tại Quy chế này thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc quản lý, cung cấp thông tin, cập nhật, khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “Cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực” là tập hợp các thông tin, dữ liệu về công chứng, chứng thực được tổ chức để truy cập, cập nhật, khai thác, sử dụng, quản lý thông qua phương tiện điện tử, gồm: Thông tin giao dịch đã được công chứng, chứng thực; thông tin ngăn chặn; thông tin giải tỏa ngăn chặn và các thông tin khác của cơ quan nhà nước có liên quan đến hoạt động công chứng, chứng thực các giao dịch trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

2. “Thông tin về giao dịch” là các thông tin cơ bản của giao dịch đã được công chứng, chứng thực, được cập nhật vào Cơ sở dữ liệu, gồm:

- a) Ngày thực hiện công chứng, chứng thực;
- b) Số công chứng, chứng thực;
- c) Tên giao dịch được công chứng, chứng thực;
- d) Các bên liên quan giao dịch;
- đ) Nội dung giao dịch;
- e) Người thực hiện công chứng, chứng thực;
- g) Tên cơ quan, tổ chức thực hiện công chứng, chứng thực.

3. “Thông tin ngăn chặn” là thông tin được thể hiện bằng hình thức văn bản do cơ quan hoặc người có thẩm quyền ban hành có nội dung không thực hiện hoặc tạm dừng thực hiện công chứng, chứng thực giao dịch đối với tài sản của cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật.

4. “Thông tin giải tỏa ngăn chặn” là thông tin được thể hiện bằng hình thức văn bản có nội dung hủy bỏ việc ngăn chặn do chính cơ quan hoặc người có thẩm quyền có văn bản yêu cầu ngăn chặn trước đó hoặc của cơ quan, người có thẩm quyền khác ban hành theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý, cập nhật, khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu

1. Tất cả các thông tin về giao dịch đã được người có thẩm quyền công chứng, chứng thực và các thông tin ngăn chặn, thông tin giải tỏa ngăn chặn phải được cập nhật đủ, chính xác, kịp thời vào Cơ sở dữ liệu.

2. Cá nhân, tổ chức được cấp tài khoản trong Cơ sở dữ liệu có trách nhiệm quản lý, sử dụng đúng mục đích, bảo mật tài khoản được cấp và chịu trách nhiệm về mọi tác động của tài khoản đó đối với Cơ sở dữ liệu.

3. Bảo đảm quyền của tổ chức, cá nhân được tiếp cận, khai thác, sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu phù hợp với quy định của pháp luật.

4. Cá nhân, tổ chức cung cấp thông tin liên quan đến giao dịch được công chứng, chứng thực chịu trách nhiệm về tính chính xác, đúng đắn đối với các yêu cầu của mình cũng như về các hậu quả xảy ra do yêu cầu của mình.

5. Cơ sở dữ liệu phải được quan tâm nâng cấp, đảm bảo an ninh, an toàn thông tin mạng, các tiện ích khi sử dụng và kết nối với phần mềm khác khi có yêu cầu.

6. Việc sử dụng Cơ sở dữ liệu để thực hiện công chứng, chứng thực các giao dịch không loại trừ trách nhiệm theo quy định pháp luật của người thực hiện công chứng, chứng thực, người yêu cầu công chứng, chứng thực và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

7. Việc quản lý, cập nhật, khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu phải tuân thủ Quy chế này và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

Điều 4. Những hành vi bị nghiêm cấm

1. Truy cập vào Cơ sở dữ liệu bằng tài khoản khác hoặc để người khác sử dụng tài khoản của mình để truy cập vào Cơ sở dữ liệu.

2. Không cập nhật hoặc cập nhật không kịp thời, không đầy đủ, không chính xác thông tin vào Cơ sở dữ liệu.

3. Sửa đổi, xóa bỏ thông tin trong Cơ sở dữ liệu, làm biến dạng giao diện, làm sai lệch hệ thống quản trị.

4. Thay đổi cấu trúc dữ liệu hay bất kỳ hành vi nào khác tác động trái quy định đến hoạt động hay thông tin có trong Cơ sở dữ liệu.

5. Tiết lộ trái pháp luật các thông tin về tài sản, cá nhân, tổ chức, giao dịch và các thông tin khác mà mình biết được trong quá trình quản lý, sử dụng Cơ sở dữ liệu.

6. Truy cập vào Cơ sở dữ liệu để thực hiện các công việc không được giao.

7. Sử dụng các thông tin trong Cơ sở dữ liệu không đúng mục đích theo quy định của pháp luật và Quy chế này.

8. Những hành vi vi phạm khác theo quy định của pháp luật.

Chương II NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 5. Cấp, khóa, thay đổi tài khoản quản lý, sử dụng Cơ sở dữ liệu.

1. Cấp tài khoản quản lý, sử dụng Cơ sở dữ liệu

Tài khoản quản lý, sử dụng Cơ sở dữ liệu được cấp theo đề nghị của tổ chức hành nghề công chứng; Ủy ban nhân dân xã, phường (*sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã*) trên địa bàn tỉnh.

2. Khóa, thay đổi tài khoản quản lý, sử dụng Cơ sở dữ liệu

Tài khoản quản lý, sử dụng Cơ sở dữ liệu sẽ bị khóa hoặc thay đổi trong các trường hợp sau:

- a) Theo đề nghị của cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 1 Điều này;
- b) Chia tách, hợp nhất, sáp nhập, giải thể Ủy ban nhân dân cấp xã;
- c) Tổ chức hành nghề công chứng đã chuyển đổi, chuyển nhượng, sáp nhập, hợp nhất, thu hồi quyết định cho phép thành lập hoặc tự chấm dứt hoạt động;
- d) Các trường hợp khác do Giám đốc Sở Tư pháp quyết định theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Tiếp nhận, cập nhật thông tin giao dịch vào Cơ sở dữ liệu

1. Đối với thông tin giao dịch:

a) Ủy ban nhân dân cấp xã, tổ chức hành nghề công chứng có trách nhiệm thực hiện cập nhật thông tin giao dịch do cơ quan, tổ chức mình công chứng, chứng thực vào Cơ sở dữ liệu.

b) Việc cập nhật thông tin giao dịch, thông tin về sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ, chấm dứt, đơn phương chấm dứt giao dịch, sửa lỗi kỹ thuật đối với giao dịch phải được thực hiện ngay trong ngày giao dịch đó được công chứng, chứng thực.

2. Đối với thông tin ngăn chặn, thông tin giải tỏa ngăn chặn:

a) Sở Tư pháp tiếp nhận thông tin ngăn chặn, thông tin giải tỏa ngăn chặn do cơ quan, tổ chức quy định tại Điều 7 Quy chế này cung cấp để cập nhật vào Cơ sở dữ liệu.

b) Thông tin ngăn chặn, thông tin giải tỏa ngăn chặn phải được cập nhật trong ngày tiếp nhận thông tin; trường hợp thông tin được tiếp nhận vào ngày nghỉ hoặc sau 16 giờ của ngày tiếp nhận thông tin thì thời hạn cập nhật thông tin chậm nhất trong buổi sáng của ngày làm việc tiếp theo.

Điều 7. Cung cấp thông tin ngăn chặn, thông tin giải tỏa ngăn chặn

1. Tòa án nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực gửi thông tin ngăn chặn, thông tin giải tỏa ngăn chặn liên quan đến việc yêu cầu dừng, tạm dừng giao dịch về tài sản; chấm dứt việc dừng, tạm dừng giao dịch về tài sản và các trường hợp cần ngăn chặn, giải tỏa ngăn chặn khác theo quy định.

2. Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân khu vực gửi thông tin ngăn chặn, thông tin giải tỏa ngăn chặn liên quan đến tài sản và các trường hợp cần ngăn chặn, giải tỏa ngăn chặn khác theo quy định.

3. Thi hành án dân sự tỉnh, Phòng thi hành án dân sự khu vực gửi thông tin ngăn chặn, thông tin giải tỏa ngăn chặn liên quan đến tạm dừng hoặc chấm dứt tạm dừng việc đăng ký, chuyển quyền sở hữu, sử dụng, thay đổi hiện trạng tài sản đảm bảo thi hành án và các trường hợp cần ngăn chặn, giải tỏa ngăn chặn khác theo quy định.

4. Cơ quan Công an các cấp gửi thông tin ngăn chặn, thông tin giải tỏa ngăn chặn liên quan đến tài sản, thông tin giả mạo về người, giả mạo giấy tờ để thực hiện giao dịch, lừa đảo chiếm đoạt tài sản và các trường hợp cần ngăn chặn, giải tỏa ngăn chặn khác theo quy định.

5. Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp xã gửi hoặc chỉ đạo cơ quan, tổ chức thuộc thẩm quyền quản lý gửi thông tin ngăn chặn, thông tin giải tỏa ngăn chặn liên quan đến quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và các trường hợp khác theo quy định.

6. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân gửi thông tin ngăn chặn, thông tin giải tỏa ngăn chặn liên quan đến tạm dừng đăng ký, chuyển quyền sở hữu, sử dụng, thay đổi hiện trạng tài sản; chấm dứt tạm dừng đăng ký, chuyển quyền sở hữu, sử dụng, thay đổi hiện trạng tài sản và các trường hợp cần ngăn chặn, giải tỏa ngăn chặn khác theo thẩm quyền.

7. Các cơ quan, tổ chức hành nghề công chứng, người thực hiện công chứng, chứng thực gửi thông tin ngăn chặn về các trường hợp giả mạo người, giả mạo giấy tờ để thực hiện giao dịch về tài sản, lừa đảo chiếm đoạt tài sản, hủy, chấm dứt, đơn phương chấm dứt ủy quyền liên quan đến tài sản, thừa kế.

Điều 8. Nội dung, cách thức, thời hạn gửi thông tin ngăn chặn, thông tin giải tỏa ngăn chặn

1. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân quy định tại Điều 7 Quy chế này gửi thông tin ngăn chặn, thông tin giải tỏa ngăn chặn đến Sở Tư pháp để cập nhật vào Cơ sở dữ liệu với các nội dung sau:

a) Thông tin về chủ sở hữu tài sản, chủ sử dụng quyền sử dụng đất:

- Đối với cá nhân: Họ và tên; ngày, tháng, năm sinh; số Thẻ căn cước/Hộ chiếu; ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú.

- Đối với tổ chức: Tên tổ chức hoặc doanh nghiệp theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; mã số doanh nghiệp; địa chỉ hoạt động; người đại diện theo pháp luật: Họ và tên; ngày, tháng, năm sinh; số Thẻ căn cước/Hộ chiếu, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú.

b) Thông tin về tài sản:

- Trường hợp tài sản là bất động sản gồm: Quyền sử dụng đất; quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: Địa chỉ tài sản; số giấy chứng nhận, cơ quan, ngày cấp, số thửa đất, số tờ bản đồ; tài sản gắn liền với đất; thông tin về chủ sở hữu, thông tin khác.

- Trường hợp tài sản là bất động sản có đăng ký và tài sản khác: Số giấy đăng ký tài sản, số giấy chứng nhận, giấy đăng ký tài sản, mã số giấy tờ, ngày cấp, cơ quan cấp; các thông tin mô tả về tài sản trên các giấy tờ chứng minh quyền tài sản.

c) Các thông tin khác có liên quan.

2. Cách thức gửi thông tin ngăn chặn, thông tin giải tỏa ngăn chặn

Cơ quan, tổ chức, cá nhân gửi văn bản về thông tin ngăn chặn, thông tin giải tỏa ngăn chặn bằng một trong các cách thức sau:

a) Gửi qua Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành của Sở Tư pháp tại địa chỉ: <https://vpdttq.vnptioffice.vn>;

b) Gửi qua Hệ thống thư điện tử của Sở Tư pháp tại địa chỉ: tuphap@tuyenquang.gov.vn;

c) Gửi trực tiếp;

- d) Gửi qua dịch vụ bưu chính;
 - đ) Gửi qua Fax;
 - e) Các cách thức khác theo quy định của pháp luật.
3. Thời hạn gửi thông tin: Ngay trong ngày ký văn bản.

Điều 9. Chỉnh sửa thông tin đã cập nhật vào Cơ sở dữ liệu

1. Việc chỉnh sửa thông tin đã cập nhật vào Cơ sở dữ liệu chỉ được thực hiện đối với các sai sót về kỹ thuật trong quá trình nhập thông tin mà không được làm thay đổi nội dung của giao dịch và thông tin ngăn chặn, thông tin giải tỏa ngăn chặn.

2. Việc chỉnh sửa thông tin đã cập nhật vào Cơ sở dữ liệu do cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu thực hiện theo quy định.

Điều 10. Tra cứu thông tin và sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu

Khi tiếp nhận yêu cầu công chứng, chứng thực giao dịch, người thực hiện công chứng, chứng thực phải tra cứu thông tin về giao dịch, thông tin ngăn chặn, thông tin giải tỏa ngăn chặn và thông tin khác liên quan đến tài sản, các bên tham gia giao dịch để tiếp nhận và thực hiện công chứng, chứng thực giao dịch cho người yêu cầu theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 11. Sao lưu dữ liệu

Cơ quan, tổ chức quản lý, sử dụng Cơ sở dữ liệu phải thực hiện sao lưu các thông tin trên Cơ sở dữ liệu thường xuyên, khoa học, hệ thống.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Trách nhiệm của Sở Tư pháp

1. Thực hiện việc vận hành, quản lý, khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu theo quy định của pháp luật có liên quan và Quy chế này.

2. Tiếp nhận, cập nhật thông tin ngăn chặn, thông tin giải tỏa ngăn chặn và các thông tin khác bảo đảm chính xác, kịp thời; cung cấp thông tin thuộc Cơ sở dữ liệu phục vụ công tác điều tra, thanh tra, kiểm tra và yêu cầu cung cấp thông tin khác của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

3. Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn việc quản lý, cập nhật, khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

4. Thực hiện thống kê, báo cáo theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Môi trường

1. Cung cấp thông tin ngăn chặn, thông tin giải tỏa ngăn chặn theo quy định tại khoản 5 Điều 7 Quy chế này.

2. Chỉ đạo các đơn vị thuộc phạm vi quản lý thực hiện việc cung cấp thông tin ngăn chặn, thông tin giải tỏa ngăn chặn thuộc thẩm quyền giải quyết gửi Sở Tư pháp để cập nhật vào Cơ sở dữ liệu.

Điều 14. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành

1. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm cung cấp hoặc chỉ đạo các đơn vị thuộc phạm vi quản lý cung cấp thông tin ngăn chặn, thông tin giải tỏa ngăn chặn gửi Sở Tư pháp để cập nhật vào Cơ sở dữ liệu.

2. Tòa án nhân dân tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Thi hành án dân sự tỉnh cung cấp thông tin hoặc hướng dẫn, chỉ đạo các đơn vị trực thuộc cung cấp thông tin quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 7 Quy chế này.

3. Sở Tài chính phối hợp Sở Tư pháp và các ngành có liên quan căn cứ khả năng ngân sách để tham mưu, bố trí kinh phí trình cấp có thẩm quyền phê duyệt kinh phí vận hành, duy trì, nâng cấp, hoàn thiện Cơ sở dữ liệu theo quy định.

Điều 15. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Cung cấp thông tin ngăn chặn, thông tin giải tỏa ngăn chặn theo quy định tại khoản 5 Điều 7 Quy chế này.

2. Bảo đảm cơ sở vật chất, đường truyền để cài đặt và sử dụng Cơ sở dữ liệu được kết nối thông suốt.

3. Bảo quản, bảo mật đối với tài khoản đã được cung cấp; thông báo ngay cho Sở Tư pháp khi tài khoản bị mất, lộ lọt thông tin.

4. Quản lý, phân công công chức thực hiện chứng thực giao dịch, cập nhật thông tin về giao dịch đảm bảo chính xác, đầy đủ, kịp thời; tra cứu thông tin thuộc Cơ sở dữ liệu phục vụ công tác chứng thực; sao lưu, lưu trữ dữ liệu theo quy định tại

Quy chế này.

5. Cử công chức làm công tác tư pháp và công chức có liên quan tham gia bồi dưỡng, tập huấn việc khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu.

6. Kịp thời cung cấp thông tin về các vấn đề phát sinh trong quá trình sử dụng Cơ sở dữ liệu.

7. Chỉ đạo thực hiện việc cung cấp thông tin ngăn chặn, thông tin giải tỏa ngăn chặn theo quy định.

8. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và Quy chế này.

Điều 16. Trách nhiệm của Hội Công chứng viên tỉnh

Phối hợp Sở Tư pháp triển khai đến hội viên, các tổ chức hành nghề công chứng thực hiện nghiêm Quy chế này nhằm góp phần nâng cao chất lượng hoạt động công chứng, chứng thực trên địa bàn tỉnh.

Điều 17. Trách nhiệm của các tổ chức hành nghề công chứng

1. Bảo đảm các điều kiện về cơ sở vật chất để cài đặt, kết nối, duy trì Cơ sở dữ liệu trong suốt quá trình hoạt động.

2. Quản lý, phân công công chứng viên hoặc nhân viên nghiệp vụ của tổ chức mình cập nhật thông tin về giao dịch đã công chứng đảm bảo chính xác, đầy đủ, kịp thời; tra cứu thông tin thuộc Cơ sở dữ liệu phục vụ công tác công chứng, chứng thực; sao lưu Cơ sở dữ liệu theo quy định tại Quy chế này.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TUYỀN QUANG**

Số 31/2026/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Tuyên Quang, ngày 08 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế giải thưởng báo chí tỉnh Tuyên Quang

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng số 06/2022/QH15;

Căn cứ Luật Báo chí số 126/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 152/2025/NĐ-CP của Chính phủ Quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực thi đua, khen thưởng; quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 15/2025/TT-BNV của Bộ trưởng Bộ Nội vụ Quy định biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Thi đua, khen thưởng và Nghị định số 152/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực thi đua, khen thưởng; quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy chế giải thưởng báo chí tỉnh Tuyên Quang.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế giải thưởng báo chí tỉnh Tuyên Quang.

Điều 2. Điều khoản thi hành

- Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.
- Bãi bỏ Quyết định số 22/2017/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành Quy chế Giải thưởng báo chí tỉnh Tuyên Quang.

3. Bãi bỏ Danh mục Quyết định tại số thứ tự 92 Mục VIII Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 764/QĐUBND ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyền Quang về việc áp dụng các Quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyền Quang và tỉnh Hà Giang trước sắp xếp trên địa bàn tỉnh Tuyền Quang.

4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; các cơ quan báo chí của tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
Vương Ngọc Hà

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Giải thưởng báo chí tỉnh Tuyên Quang
(Ban hành kèm theo Quyết định số 31/2026/QĐ-UBND)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên gọi và mục đích, ý nghĩa Giải báo chí

1. Tên gọi: **Giải thưởng báo chí tỉnh Tuyên Quang** (sau đây gọi chung là Giải báo chí).

2. Mục đích, ý nghĩa: Giải báo chí được tổ chức nhằm xét tặng, trao giải cho các tác giả, nhóm tác giả có tác phẩm báo chí đạt chất lượng cao; có hình thức thể hiện mới, sáng tạo, đóng góp tích cực vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; góp phần động viên, cổ vũ phong trào thi đua lao động sáng tạo của đội ngũ những người làm báo trên địa bàn tỉnh; đồng thời tạo điều kiện để các cá nhân, tập thể hoạt động trong lĩnh vực báo chí trao đổi kinh nghiệm về chuyên môn, nghiệp vụ, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động thông tin, báo chí trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định nguyên tắc, thẩm quyền, điều kiện, loại hình, thể loại, cơ cấu, số lượng, Hội đồng xét tặng, nội dung xét tặng và trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc xét tặng Giải báo chí tỉnh Tuyên Quang.

2. Đối tượng áp dụng

- Tác giả, nhóm tác giả có tác phẩm tham dự Giải báo chí;
- Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc xét tặng Giải báo chí.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện

1. Việc xét tặng Giải báo chí được thực hiện trên cơ sở tự nguyện; đảm bảo đúng quy định pháp luật, đối tượng, tiêu chuẩn, điều kiện, quy trình theo quy định;

đảm bảo công bằng, dân chủ, khách quan, công khai, tiết kiệm và hiệu quả.

2. Mỗi tác giả, nhóm tác giả được gửi tác phẩm dự Giải báo chí ở nhiều loại hình báo chí nhưng chỉ được trao 01 giải cao nhất trong số tác phẩm đạt giải. Trường hợp các tác giả, nhóm tác giả đều có tác phẩm đạt giải cao ở mỗi loại hình báo chí thì lựa chọn tác phẩm đoạt giải dựa trên tổng điểm cao nhất của một trong các tác phẩm báo chí tham gia.

Điều 4. Thẩm quyền xét, tặng Giải báo chí

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh là người có thẩm quyền xét tặng Giải báo chí.
2. Việc xét, tặng Giải báo chí được thực hiện mỗi năm 01 (một) lần vào dịp Kỷ niệm ngày Báo chí Cách mạng Việt Nam (21/6) hàng năm.

Điều 5. Quyền lợi của người được tặng Giải báo chí

Tác giả, nhóm tác giả được tặng Giải báo chí được nhận Bằng Chứng nhận Giải báo chí do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trao tặng, tiền thưởng và quyền lợi khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 6. Điều kiện tham dự Giải báo chí

1. Về tác giả, nhóm tác giả
 - a) Là công dân Việt Nam có phẩm chất, đạo đức tốt, lý lịch rõ ràng, không vi phạm các quy định của Luật Báo chí số 126/2025/QH15; không vi phạm các quy định về đạo đức nghề nghiệp của người làm báo Việt Nam, Quy tắc sử dụng Mạng xã hội của người làm báo Việt Nam; không bị các hình thức kỷ luật trong thời gian từ ngày 01/01 của năm trước đến ngày trao giải;
 - b) Các tác giả, nhóm tác giả có tác phẩm báo chí gửi dự thi phản ánh về tình Tuyền Quang bằng tiếng Việt được đăng tải trên báo chí (báo in, báo hình, báo nói, báo điện tử) của Trung ương và địa phương, có giấy phép hoạt động do cơ quan có thẩm quyền cấp; đối với các tác phẩm báo chí tiếng nước ngoài hoặc tiếng dân tộc thiểu số thì phải có bản dịch tác phẩm, thuyết minh hoặc phụ đề tiếng Việt gửi kèm. Tác giả, nhóm tác giả chịu trách nhiệm về quyền tác giả, các quyền liên quan theo

quy định của pháp luật;

c) Mỗi tác giả, nhóm tác giả được gửi tối đa 01 tác phẩm tham dự giải cho mỗi loại hình báo chí.

2. Về tác phẩm

a) Điều kiện chung:

- Tác phẩm báo chí bám sát nhiệm vụ chính trị của tỉnh và đất nước; phản ánh kịp thời, trung thực đời sống chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại của tỉnh; phản ánh việc triển khai các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trên địa bàn tỉnh, phục vụ thiết thực sự nghiệp đổi mới, sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa; khuyến khích các tác phẩm báo chí biểu dương các điển hình tiên tiến, nhân tố mới, tác phẩm báo chí dành cho trẻ em; phòng chống các hành vi tiêu cực, tham nhũng, phản bác những quan điểm sai trái của các thế lực thù địch.

- Tác phẩm báo chí phản ánh về tỉnh Tuyên Quang đã được đăng tải trên báo chí (báo in, báo hình, báo nói, báo điện tử) của Trung ương và địa phương từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 của năm xét.

- Những tác phẩm báo chí đã được trao giải thưởng ở các cuộc thi, giải báo chí khác trong khoảng thời gian tổ chức Giải báo chí vẫn được gửi tham dự Giải báo chí.

- Những tác phẩm nhiều kỳ, trong đó các kỳ đầu đã đăng tải hoặc phát sóng trước ngày 01/01 của năm trước thì được gộp vào các kỳ của năm liền kề để tính thành một tác phẩm dự giải.

- Tác phẩm đang có khiếu nại về quyền tác giả, sở hữu trí tuệ thì không được dự giải.

- Không tiếp nhận các tác phẩm có yếu tố hư cấu (thơ, tranh vẽ, tiểu phẩm, ký văn học, câu chuyện văn nghệ, tạp văn, truyện ngắn), các tác phẩm là công trình nghiên cứu, khảo cứu khoa học, biên soạn tài liệu hoặc dịch thuật.

- Tác phẩm gửi tham dự Giải báo chí không hoàn trả lại tác giả.

b) Điều kiện cụ thể:

- Đối với báo in: Mỗi tác phẩm là một bài hoặc một loạt bài (không quá 05 kỳ) của tác giả hoặc nhóm tác giả cùng đứng tên phản ánh về một sự kiện, một đề tài. Không tiếp nhận một loạt bài ghép từ những bài độc lập của các tác giả đứng tên riêng lẻ ở các thời điểm đăng báo khác nhau, không có tên chung loạt bài.

- Đối với báo nói (phát thanh): Ngoài điều kiện như với báo in, tác phẩm báo nói có âm thanh rõ ràng, tiếng nói nhân vật, tiếng động, âm nhạc bảo đảm chất lượng, hấp dẫn; thời lượng tác phẩm không quá 60 phút.

- Đối với báo hình (truyền hình): Ngoài điều kiện như với báo in, kỹ thuật hình ảnh phải đạt yêu cầu chất lượng phải rõ hình, rõ tiếng, không lỗi kỹ thuật; kèm theo lời bình (kịch bản); định dạng theo yêu cầu (thường là MP4, file số hoặc USB); thời lượng tác phẩm không quá 60 phút.

- Đối với báo điện tử: Ngoài điều kiện như với báo in, phải là tác phẩm viết riêng cho báo điện tử; không xét những tác phẩm lấy từ báo in; thể hiện được đặc trưng của báo điện tử (cập nhật nhanh, đa phương tiện, tương tác cao), khuyến khích các tác phẩm được thể hiện theo hình thức mới, hiện đại.

- Đối với ảnh báo chí: Tác phẩm ảnh bao gồm ảnh đơn, nhóm ảnh hoặc phóng sự ảnh, được thể hiện bằng ảnh màu hoặc đen trắng. Đối với nhóm ảnh hoặc phóng sự ảnh về một nội dung đăng báo có nhiều ảnh, chỉ tuyển chọn mỗi nhóm ảnh hoặc phóng sự ảnh không quá 10 ảnh, đăng trên cùng một số báo hoặc cùng thời điểm xuất bản. Không xét ảnh ghép, ảnh xử lý bằng vi tính.

Điều 7. Loại hình, thể loại xét tặng Giải báo chí

1. Báo in, tạp chí in, gồm các thể loại: Bài phản ánh, xã luận, bình luận, chuyên luận phóng sự, phóng sự điều tra, ký báo chí, ghi chép.

2. Báo nói (phát thanh), gồm các thể loại: Bài phản ánh, bình luận, chuyên luận, tọa đàm, chuyên đề phát thanh tổng hợp, phóng sự, phóng sự điều tra, bút ký.

3. Báo hình (truyền hình), gồm các thể loại: Phóng sự, ký sự, bình luận, tọa đàm, phim tài liệu truyền hình.

4. Báo điện tử, gồm các thể loại: Bài phản ánh, bình luận, phóng sự, phóng sự điều tra, ký báo chí, ghi chép, tọa đàm, truyền thông đa phương tiện (Megastory,

Multimedia, Infographic, video clip, podcast).

5. Ảnh báo chí, gồm: Giải Ảnh đơn, phóng sự ảnh, nhóm ảnh.

Điều 8. Cơ cấu và số lượng giải thưởng Giải báo chí

1. Cơ cấu và số lượng giải thưởng giải báo chí theo từng loại hình báo chí, cụ thể như sau:

- a) Báo in: Tối đa 01 giải A, 02 giải B, 03 giải C và 05 giải khuyến khích;
- b) Báo hình: Tối đa 01 giải A, 02 giải B, 03 giải C và 05 giải khuyến khích;
- c) Báo nói: Tối đa 01 giải A, 02 giải B, 03 giải C và 05 giải khuyến khích;
- d) Báo điện tử: Tối đa 01 giải A, 02 giải B, 03 giải C và 05 giải khuyến khích;
- đ) Ảnh báo chí: Tối đa 01 giải A, 02 giải B, 03 giải C và 05 giải khuyến khích.

2. Căn cứ tình hình thực tế và khả năng kinh phí tổ chức giải báo chí hàng năm, Hội đồng giải báo chí quyết định cơ cấu, số lượng giải cho phù hợp; không nhất thiết phải cơ cấu đủ các giải thưởng cho từng loại hình và không vượt quá số lượng giải quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 9. Hội đồng Giải báo chí

1. Hội đồng giải báo chí (sau gọi chung là Hội đồng), do Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập theo đề xuất của Chủ tịch Hội Nhà báo tỉnh. Số lượng thành viên Hội đồng từ 11 đến 13 người. Thành phần Hội đồng gồm:

- a) Chủ tịch Hội đồng: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phụ trách lĩnh vực văn hoá - xã hội;
- b) Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng: Chủ tịch Hội Nhà báo tỉnh;
- c) Phó Chủ tịch Hội đồng: Đại diện Lãnh đạo Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy, Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch;
- d) Các ủy viên Hội đồng: Đại diện Lãnh đạo Sở Nội vụ, Báo và phát thanh, truyền hình Tuyên Quang, Tạp chí Văn nghệ Tuyên Quang, Hội Nhà báo tỉnh và đại diện một số cơ quan, đơn vị có liên quan;
- đ) Căn cứ yêu cầu thực tế, có thể mời một số nhà báo có uy tín ở Trung ương, địa phương làm ủy viên Hội đồng.

2. Hội đồng Giải báo chí có nhiệm vụ, quyền hạn sau:

a) Giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện việc xét, tặng Giải báo chí hàng năm;

b) Ban hành Quy chế làm việc của Hội đồng;

c) Ban hành Thể lệ Giải báo chí;

b) Tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Giải thưởng Báo chí hàng năm;

3. Nguyên tắc làm việc:

a) Hội đồng làm việc theo nguyên tắc dân chủ, công khai và bỏ phiếu kín. Các cuộc họp chỉ được tiến hành khi có ít nhất 2/3 tổng số thành viên Hội đồng có mặt và do Chủ tịch Hội đồng hoặc Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng (trong trường hợp được ủy quyền) chủ trì. Việc thống nhất kết quả được quyết định theo đa số và bằng phương thức bỏ phiếu kín. Hội đồng có trách nhiệm lấy ý kiến đối với thành viên Hội đồng vắng mặt cuộc họp bằng phiếu bầu. Các cuộc họp của Hội đồng đều có biên bản; Biên bản và phiếu bầu phải được lưu giữ đầy đủ;

b) Hội đồng chỉ họp chấm, xét chọn các tác phẩm do Hội đồng sơ khảo đề nghị;

c) Các thành viên trong Hội đồng nếu có tác phẩm đăng ký tham dự Giải thưởng thì không được tham gia xét và chấm điểm tác phẩm của mình và của nhóm tác giả mà mình cùng tham gia;

d) Hội đồng được thành lập theo từng đợt xét tặng và tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

4. Chủ tịch Hội đồng quyết định thành lập Hội đồng sơ khảo trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch Hội Nhà báo tỉnh.

a) Số lượng thành viên Hội đồng sơ khảo có từ 07 đến 09 người;

b) Chủ tịch Hội đồng quyết định thành lập Tổ thư ký tham gia phục vụ họp Hội đồng gồm: Cán bộ công chức và viên chức Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch; Hội Nhà Báo tỉnh.

Điều 10. Nội dung xét, tặng Giải báo chí

1. Tác giả, nhóm tác giả của tác phẩm báo chí gửi hồ sơ tham dự Giải báo chí về Hội Nhà báo tỉnh để tổng hợp, tham mưu tổ chức xét chọn, gồm:

a) Tờ khai thông tin về tác giả, nhóm tác giả, tác phẩm (theo Phụ lục kèm theo Quy chế này);

b) Tác phẩm báo chí tham dự Giải báo chí:

- Đối với tác phẩm báo in/ tạp chí in, báo điện tử/ tạp chí điện tử phải là bản in chính hoặc sao chụp từ báo in, báo điện tử (gửi kèm đường link tác phẩm) phải sạch, đẹp, rõ ràng. Nếu tác phẩm có sự tiếp nối nhỏ, lẻ thì phải cắt dán phần tiếp nối trên giấy trắng khổ A4 hoặc A3 và đánh số trang rõ ràng phần tiếp nối;

- Đối với tác phẩm phát thanh phải ghi lên đĩa CD/USB mỗi đĩa chỉ ghi 01 tác phẩm và trên nhãn đĩa ghi rõ tên đơn vị, tên tác phẩm, tác giả, thể loại, thời lượng và thời gian phát sóng kèm theo văn bản phân lời của tác phẩm;

- Đối với tác phẩm truyền hình phải ghi lên đĩa VCD/DVD/USB, mỗi đĩa chỉ ghi 01 tác phẩm và trên nhãn đĩa ghi rõ tên đơn vị, tên tác phẩm, tác giả, thể loại, thời lượng và thời gian phát sóng kèm theo bản thuyết minh;

- Đối với tác phẩm báo chí đa phương tiện có hình thức thể hiện âm thanh, hình ảnh, chữ viết thì gửi đường link tác phẩm và bản in chụp từ giao diện điện tử hoặc ghi lên đĩa CD/VCD/DVD/USB (tương tự như thể loại báo chí: Phát thanh, truyền hình);

- Đối với tác phẩm ảnh báo chí: Cùng với ảnh đã đăng trên báo, tạp chí phải kèm theo ảnh phóng trên giấy ảnh, kích cỡ 18cm x 24cm (đối với ảnh đơn), và 12cm x 18cm (với nhóm ảnh, phóng sự ảnh). Không chấp nhận ảnh chụp/ photo lại từ ảnh gốc.

2. Thời gian xét tặng:

a) Tác giả, nhóm tác giả tham dự giải Báo chí tự chọn tác phẩm gửi tham dự chậm nhất là ngày 15/01 hàng năm (Tính theo dấu bưu điện);

b) Thời gian chấm giải: Do Hội đồng Giải báo chí quyết định;

c) Thời gian công bố và trao giải: Vào dịp Kỷ niệm ngày Báo chí Cách mạng Việt Nam (21/6) hàng năm.

Điều 11. Cách thức chấm Giải

1. Việc chấm, xét chọn tác phẩm thực hiện qua 02 vòng: Sơ khảo và Chung

khảo. Vòng Sơ khảo do Hội đồng sơ khảo thực hiện; vòng Chung khảo do Hội đồng Giải báo chí thực hiện.

2. Kết quả điểm của tác phẩm là điểm trung bình cộng các điểm hợp lệ của các thành viên Hội đồng chấm giải.

Hội đồng Giải báo chí chấm tác phẩm theo thang điểm 100, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét và quyết định các tác phẩm đạt giải.

Điều 12. Khiếu nại và giải quyết khiếu nại

1. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày công bố tác phẩm báo chí đoạt giải, các tác giả, nhóm tác giả có quyền khiếu nại về kết quả xét, tặng giải và những vi phạm quy định, quy trình, thủ tục xét, tặng giải. Việc khiếu nại và giải quyết khiếu nại đối với hành vi vi phạm Quy chế Giải báo chí được thực hiện theo quy định pháp luật về giải quyết khiếu nại.

2. Hội Nhà báo tỉnh có trách nhiệm giải quyết khiếu nại và trả lời bằng văn bản theo quy định.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Trách nhiệm của các cơ quan có liên quan

1. Hội Nhà báo tỉnh - Cơ quan thường trực của Hội đồng Giải báo chí, có trách nhiệm:

a) Tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng Giải báo chí theo quy định tại Điều 9 Quy chế này;

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu, đề xuất Chủ tịch Hội đồng Giải báo chí thành lập Hội đồng sơ khảo, Tổ thư ký tham gia phục vụ họp Hội đồng theo quy định tại Điều 9 quy chế này;

c) Chủ trì xây dựng và ban hành Thể lệ Giải báo chí, quy chế hoạt động của các bộ phận, đề xuất cấp thẩm quyền xem xét, phê duyệt;

d) Chủ trì, phát động tham gia Giải báo chí hằng năm của tỉnh; căn cứ vào tình hình thực tiễn đối với nhiệm vụ tuyên truyền, đề xuất chủ đề Giải Báo chí của tỉnh phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ trọng tâm công tác thông tin, tuyên truyền của tỉnh

hàng năm;

đ) Thông báo rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng về các nội dung, chủ đề liên quan đến Giải báo chí; tiếp nhận tác phẩm tham gia; phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện Quy chế này;

e) Xây dựng kế hoạch, dự toán kinh phí tổ chức Giải báo chí hàng năm trình Sở Tài chính để thống nhất về kinh phí, tham mưu cấp thẩm quyền xem xét, bố trí vào dự toán ngân sách hàng năm của đơn vị để tổ chức thực hiện.

2. Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch:

a) Phối hợp với các đơn vị liên quan trên địa bàn tỉnh tổ chức tuyên truyền sâu rộng các nội dung liên quan đến Giải báo chí;

b) Kiểm tra việc thực hiện Quy chế này của các cơ quan, đơn vị liên quan;

3. Sở Tài chính: Hàng năm, trên cơ sở đề xuất dự toán kinh phí của Hội Nhà báo tỉnh, Sở Tài chính tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí triển khai thực hiện theo quy định.

4. Các cơ quan báo chí, Cổng Thông tin điện tử tỉnh Tuyên Quang: Tuyên truyền các nội dung về Giải báo chí trên các phương tiện thông tin đại chúng.

5. Sở Nội vụ

a) Phối hợp, hướng dẫn Hội Nhà báo tỉnh tổ chức thực hiện công tác khen thưởng Giải báo chí theo đúng quy định hiện hành về thi đua, khen thưởng;

b) Thẩm định, trình Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen cho các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác tổ chức Giải báo chí (nếu có).

6. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; các cơ quan báo chí có trách nhiệm phối hợp với Hội Nhà báo tỉnh trong việc tổ chức triển khai thực hiện và tạo điều kiện cho các tác giả, nhóm tác giả tham gia Giải báo chí tỉnh Tuyên Quang.

Điều 14. Điều khoản thi hành

Trong quá trình thực hiện, nếu gặp khó khăn, vướng mắc cần sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung, các cơ quan, đơn vị phản ánh với Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Phụ lục

HỒ SƠ DỰ THI "GIẢI BÁO CHÍ TỈNH TUYỀN QUANG" NĂM ...
(Kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND ngày.../.../2026
của UBND tỉnh Tuyền Quang)

1. SƠ YẾU LÝ LỊCH TÁC GIẢ

- Họ và tên:
- Bút danh:
- Năm sinh:
- Chức danh:
- Đơn vị công tác:
- Điện thoại:

2. TÓM TẮT TÁC PHẨM

- Tên tác phẩm:
- Loại hình:
- Thể loại:
- Tác giả:
- Tác phẩm đăng/phát ngày:.... Trên báo in trang/chương trình...

3. NỘI DUNG CHÍNH TÁC PHẨM: (tóm tắt)

.....
.....

Tuyền Quang, ngày tháng năm 2026

**XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN,
ĐƠN VỊ SỬ DỤNG TÁC PHẨM**
(ký tên, đóng dấu)

TÁC GIẢ/ĐẠI DIỆN NHÓM TÁC GIẢ
(ký, ghi rõ họ tên)

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**ỦY BAN NHÂN DÂN**
TỈNH TUYÊN QUANG

Số: 1196/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc*Tuyên Quang, ngày 09 tháng 5 năm 2026***QUYẾT ĐỊNH****Bổ sung nội dung kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 - 2030**
về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG***Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;**Căn cứ Luật Nhà ở ngày 27/11/2023;**Căn cứ Nghị quyết số 7/NQ-CP ngày 12/1/2026 của Chính phủ về việc giao chỉ tiêu phát triển nhà ở xã hội cho các địa phương giai đoạn 2026 - 2030;**Căn cứ Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 10/10/2025 Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030;**Căn cứ Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 22/4/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh bổ sung nội dung Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026-2030 và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 tỉnh Tuyên Quang;**Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 223/TTr-STC ngày 28/4/2026.***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1. Bổ sung nội dung kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026-2030 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 tại các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, cụ thể:****1. Quyết định số 201/QĐ-UBND ngày 30 tháng 01 năm 2026 ban hành Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026 - 2030:****a) Bổ sung 01 chỉ tiêu tại Phụ lục I: Một số chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội 5**

năm 2026-2030.

(Chi tiết có phụ lục I (bổ sung) kèm theo)

b) Bổ sung nhiệm vụ, giải pháp tại điểm 1.1 khoản 1 mục III: Ưu tiên bố trí và huy động các nguồn lực để phát triển nhà ở xã hội; thực hiện cơ chế liên thông các thủ tục về đầu tư đất đai quy hoạch và xây dựng, môi trường; rút ngắn tối đa thời gian thẩm định, phê duyệt dự án, giao đất, cấp phép xây dựng và các thủ tục liên quan đảm bảo cắt giảm tối thiểu 50% thời gian thực hiện thủ tục hành chính và 50% chi phí tuân thủ thủ tục hành chính so với quy định hiện hành nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án. Vận dụng linh hoạt các cơ chế, chính sách của Trung ương về phát triển nhà ở xã hội để thu hút các doanh nghiệp có năng lực tham gia đầu tư. Kiên quyết yêu cầu các chủ đầu tư dự án nhà ở thương mại thực hiện nghiêm việc dành 20% quỹ đất trong các dự án nhà ở thương mại để phát triển nhà ở xã hội theo quy định. Bố trí quỹ đất sạch để đầu tư xây dựng nhà ở xã hội tại các vị trí thuận lợi, bảo đảm hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội đồng bộ. Thực hiện tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ các dự án nhà ở xã hội đã khởi công để đưa vào sử dụng; tăng cường theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện phát triển nhà ở xã hội.

2. Quyết định số 1525/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2025 giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026:

Giao bổ sung 01 chỉ tiêu tại Biểu 01: Chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội chủ yếu năm 2026 tỉnh Tuyền Quang giao các sở, ngành, đơn vị.

(Chi tiết có Biểu 01 (bổ sung) kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Căn cứ chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao, cơ quan chủ trì có trách nhiệm cụ thể hóa nội dung để triển khai thực hiện; định kỳ hằng tháng, quý, năm báo cáo kết quả thực hiện chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao; gửi Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo theo Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Ủy ban nhân dân xã, phường và các sở, ngành, đơn vị liên quan có trách nhiệm phối hợp với cơ quan chủ trì trong quá trình triển khai thực hiện.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.
2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng sở, ngành, đơn vị liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Phan Huy Ngọc

PHỤ LỤC I (BỔ SUNG)
MỘT SỐ CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI
5 NĂM 2026-2030

(Kèm theo Quyết định số 1196/QĐ-UBND ngày 08/5/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2025	Mục tiêu đến năm 2030	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá, báo cáo
1	2	3	4	5	6
1	Hoàn thành đầu tư xây dựng căn hộ nhà ở xã hội	Căn hộ	146	3.000	Sở Xây dựng

PHỤ LỤC 01 (BỔ SUNG)
CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI CHỦ YẾU NĂM 2026
TỈNH TUYỀN QUANG GIAO CÁC SỞ, NGÀNH, ĐƠN VỊ
(Kèm theo Quyết định số 1196/QĐ-UBND ngày 08/5/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2026	Đơn vị chủ trì thực hiện
1	2	3	5	6
1	Hoàn thành đầu tư xây dựng căn hộ nhà ở xã hội	Căn hộ	170	Sở Xây dựng

VĂN PHÒNG UBND TỈNH TUYỀN QUANG XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 160 - Đường Trần Hưng Đạo - P. Minh Xuân - T. Tuyên Quang;

Điện thoại liên hệ: 0207.3822.475;

E-mail: congbaotinh huynhtuyenquang@gmail.com;

Website: congbao.tuyenquang.gov.vn.